

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2025/KDTM-PT

Ngày: 30 – 12 – 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2025/TLPT-KDTM ngày 06/10/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 12/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 13/11/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2025/QĐ-PT ngày 02/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần H; Địa chỉ: Lô C6 - 2, Đường số 5, KCN T1, huyện S (nay là Lô C6 - 2, Đường số 5, KCN T1, xã T2), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang V, sinh năm 1967 – Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

- Bị đơn: Hộ kinh doanh Trần Văn T;

Đại diện hộ gia đình: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 11, xã E1, huyện E2 (nay là Thôn 11, xã E3), tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1962 (có mặt) – Luật sư, Văn phòng luật sư Nguyễn Huy H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 416 H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Ông Trần Văn T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Quang V trình bày:

Ông Trần Văn T nguyên là đại diện hộ kinh doanh Trần Văn T bán mặt hàng phân bón vô cơ của Công ty cổ phần H khoảng từ năm 2010.

Quá trình mua bán hàng hóa với nhau, đến khoảng tháng 01 năm 2023 Công ty H không tiếp tục ký Hợp đồng mua bán với Đại lý L vì đến thời điểm này Đại lý L vẫn còn nợ tiền bán hàng của năm 2022 là 1.457.040.000 đồng. Công ty H đã nhiều lần yêu cầu và ông T có hứa sẽ trả dứt điểm số nợ này trong năm 2023. Sau đó, ông T cứ vài tháng trả nhỏ giọt mỗi lần vài chục triệu.

Đến ngày 14/12/2023, Công ty chúng tôi đến nhà, ông T trả tiếp 20.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần trong thời gian ngắn rồi sẽ tiếp tục bán hàng.

Đến ngày 29/01/2024 chúng tôi đến nhà nhưng ông T không có nhà, chỉ gặp được bà Trần Thị L (là vợ của ông Trần Văn T). Bà L nói với chúng tôi là ông T đang chăm sóc rẫy nên không về được, bà xin trả tạm 20.000.000 đồng rồi sẽ tiếp tục chuyển trả sau, bà L đã ký xác công nợ giữa Đại lý L với Công ty H tính đến ngày 29/01/2024 còn lại là 1.241.240.000 đồng.

Đến ngày 29/02/2024, chúng tôi điện thoại cho ông T nhắc trả nợ cho Công ty nhưng ông T không nghe máy. Sau đó, cứ vài ngày chúng tôi điện thoại lại thì ông T vẫn không nghe máy và cuối cùng ông ta chặn cuộc gọi của Công ty chúng tôi. Thời gian ông T nợ tiền bán hàng (phân bón) của Công ty đến nay đã là 02 năm 5 tháng (kể từ ngày lấy hàng cuối cùng 06/4/2022); số hàng vợ chồng ông T đã bán hết cho dân, đã thu tiền nhưng không trả cho Công ty. Như vậy, hộ kinh doanh Trần Văn T đã vi phạm Hợp đồng mua bán giữa vợ chồng ông ấy và Công ty chúng tôi.

Vậy, Công ty chúng tôi yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh ông Trần Văn T - Do ông Trần Văn T làm đại diện phải trả toàn bộ số tiền còn nợ lại của Công ty chúng tôi là 1.241.240.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng trên số tiền 1.241.240.000 kể từ ngày 30/01/2024 theo nội dung hợp đồng nguyên tắc mà các bên đã ký kết cho đến khi Hộ kinh doanh Trần Văn T trả toàn bộ số nợ cho Công ty.

**** Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Trần Văn T - Chủ hộ kinh doanh Trần Văn T trình bày:***

Vào khoảng năm 2010 đến giữa năm 2022, Hộ kinh doanh Trần Văn T do tôi làm chủ có mua bán phân bón với Công ty cổ phần H. Việc tôi mua phân từ Công ty H nhằm bán tại cho người dân trong vùng để hưởng lợi nhuận.

Tính đến ngày 29/01/2024, hộ kinh doanh Trần Văn T có nợ lại Công ty cổ phần H số nợ là 1.241.240.000 đồng. Vào thời điểm ngày 29/01/2024, khi Công ty H đến nhà để chốt nợ thì tôi đi làm rẫy không có ở nhà nên vợ tôi là Trần Thị L ký xác nhận vào sổ nợ của Công ty H số nợ còn lại là 1.241.240.000 đồng. Nay Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền nợ là 1.241.240.000 đồng, tôi có ý kiến như sau:

Tôi thừa nhận hộ kinh doanh Trần Văn T còn nợ lại Công ty H số tiền mua mặt hàng phân bón với số nợ là 1.241.240.000 đồng. Tuy nhiên, việc hộ kinh doanh của tôi không trả nợ đúng hạn cho Công ty H là vì các lý do sau:

Thời gian cuối cùng gia đình tôi không mua bán mặt hàng phân bón với Công ty cổ phần H là ngày 05/4/2022. Nguyên nhân là do vào thời điểm ngày 05/4/2022 hộ kinh doanh chúng tôi có nhận số lượng phân là 40.000 kg từ Công ty H, tổng giá trị là 641.600.000 đồng. Trong đó: 24.000 kg loại phân NPK 18 - 16 - 8 MM; 16.000 kg loại phân 16 - 16 - 8 - 13s MM.

Toàn bộ khối lượng phân đợt này đều là phân kém chất lượng. Tôi có bón hai loại phân trên tại rẫy của tôi vào các năm 2022 và 2023, kết quả rẫy của tôi bị cháy cây cà phê, làm mất mùa dẫn đến gia đình tôi bị thất thu.

Do bón phân kém chất lượng nên đám rẫy cà phê của tôi diện tích 8 sào đã bị thiệt hại 02 năm liên tiếp (2023, 2024) khoảng 4.000 kg cà phê. Dự kiến mùa cuối năm 2025 sẽ thất thu 1000 kg. Tổng thiệt hại ước tính khoảng 5.000 kg cà phê. Quy ra giá cà phê tại thời điểm khoảng 650.000.000 đồng.

Ngoài ra, do việc bị thiệt hại thất thu mùa màng đến gia đình mâu thuẫn, căng thẳng, làm cho vợ tôi là Trần Thị L bị phát bệnh thần kinh làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình tôi. Do vậy, tôi yêu cầu Công ty cổ phần H bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho vợ tôi với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Ngoài việc tôi bị thiệt hại do phân giả, còn có ông Nguyễn Văn V1; Địa chỉ rẫy: Thôn 11, xã C, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk cũng có ý kiến về việc phân bón kém chất lượng (09 bao) và đã được Công ty H hỗ trợ số lượng 6 bao. Sau đó, Công ty H có nhờ hộ kinh doanh của tôi có đổi cho ông V1 03 bao phân, đơn giá 830.000 đồng/bao, thành tiền là: 2.490.000 đồng. Đối với ý kiến về thiệt hại của ông V1, tôi cũng chỉ trình bày để làm rõ ý kiến của tôi chứ không yêu cầu Tòa án triệu tập và làm việc với ông V1. Việc Công ty H nhờ tôi đổi 3 bao phân cho ông V1 chỉ nói miệng với nhau chứ không có làm biên bản nên tôi không có tài liệu nào để cung cấp cho Tòa án về nội dung này.

Sau khi kê khai toàn bộ thiệt hại mà hộ kinh tôi phải chịu và số tiền 3 bao phân tôi trả cho ông V1 giúp Công ty H tổng số tiền là: 1.652.490.000 đồng, cụ thể:

- Thiệt hại 5 tấn cà phê: 650.000.000 đồng;
- Tiền 3 bao phân trả cho ông Nguyễn Văn V1: 2.490.000 đồng;
- Thiệt hại tổn thất tinh thần vợ ông T (bà Trần Thị L): 1.000.000.000 đồng.

Như vậy, tổn thất mà hộ kinh doanh tôi phải chịu và tiền số phân tôi đổi cho ông V1 giúp Công ty H lớn hơn số nợ mà tôi nợ Công ty H nên tôi không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của Công ty H. Yêu cầu Công ty H đến rẫy cà phê tôi xem xét thiệt hại và cùng hỗ trợ bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình tôi. Nếu không thỏa thuận được việc bồi thường, tôi sẽ khởi kiện Công ty H yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai đề ngày 09/4/2025, bà Trần Thị L (vợ ông T) trình bày:
Có việc Trần Văn T mua bán với Công ty Cổ phần H và nợ lại Công ty H số tiền 1.241.000 đồng, bà L đã thay ông T xác nhận số nợ này.

Tại biên bản làm việc đề ngày 24/4/2025, Tòa án tiến hành làm việc với ông Trần Văn T về việc thành viên đăng ký hộ kinh doanh Trần Văn T và yêu cầu của ông Trần Văn T về bồi thường thiệt hại hoa màu, tiền bồi thường cho ông V1 và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Trần Thị L (vợ ông T) thì ông T có ý kiến như sau:

- Do lĩnh vực kinh doanh về phân bón và thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện nên chỉ có một mình tôi (ông T) đủ điều kiện đăng ký kinh doanh nên việc đăng ký hộ kinh doanh chỉ có một mình tôi thực hiện đăng ký mà không có thành viên khác.

- Về việc chứng minh thiệt hại về rẫy: Hiện tại mọi thiệt hại thể hiện ở phần diện tích rẫy cà phê của tôi, ngoài ra tôi không có tài liệu nào khác để cung cấp cho Tòa án. Đối với việc phát bệnh thần kinh của vợ tôi, do thất thu về mùa màng, cuộc sống gia đình căng thẳng nên vào khoảng thời gian tháng 8 năm 2024, vợ tôi là Trần Thị L phát bệnh thần kinh. Do vậy, tôi yêu cầu Công ty H có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho vợ tôi với số tiền là 1.000.000.000 đồng. Việc tôi gửi đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại chỉ nhằm mục đích trình bày ý kiến về các thiệt hại trên để giải thích rõ lý do hộ kinh doanh của tôi không trả nợ đúng hạn cho Công ty H. Đồng thời, yêu cầu Công ty H cùng thỏa thuận và giải quyết quyền lợi cho tôi về các thiệt hại nêu trên. Trong trường hợp giữa Công ty H và tôi không thỏa thuận được việc bù đắp các

thiệt hại mà gia đình tôi phải chịu, thì tôi sẽ khởi kiện một vụ án độc lập về việc bồi thường thiệt hại đối với Công ty H, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản xác minh đề ngày 24/4/2025, phòng Tài chính Kế hoạch huyện E2, tỉnh Đắk Lắk cung cấp nội dung: Theo dữ liệu lưu trữ tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện E2, hộ kinh doanh Trần Văn T có chủ thể thành lập là cá nhân ông Trần Văn T nên đại diện hộ kinh doanh là ông Trần Văn T theo đúng giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 02/02/2007. Từ thời điểm đăng ký lần đầu ngày 02/02/2007 đến nay, không có thay đổi thông tin hộ kinh doanh.

*** *Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk) đã quyết định:***

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H: Buộc Hộ kinh doanh Trần Văn T phải trả cho Công ty H số tiền 1.410.198.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là: 1.241.240.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/6/2025 là: 168.958.000 đồng.

Ngoài ra, Quyết định sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 và 27/6/2025, đại diện bị đơn Hộ kinh doanh Trần Văn T là ông Trần Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Nguyễn Huy H trình bày: Hộ kinh doanh Trần Văn T chỉ có 1 mình ông T là người trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc với Công ty H, nhưng Công ty lại chót nợ với vợ ông T là không đúng. Quá trình mua bán phân thì một số khách hàng của ông T đã phản ánh phân bón kém chất lượng, dẫn đến thất thoát mùa màng nên nhiều hộ dân đã không trả tiền mua phân cho ông T. Vì vậy, ngày 12/01/2023 thì ông Viên có cam kết với ông T là khi nào ông T thu hồi nợ được trong dân thì mới phải thanh toán cho Công ty. Tại thời điểm năm 2022 là lần cuối cùng ông T mua bán phân bón với Công ty cổ phần H nhưng đến năm 2025 Công ty mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện hợp đồng mua bán hàng hoá, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2025.

Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T đã nộp trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp của bị đơn Hộ kinh doanh Trần Văn T đã được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, là không phù hợp với quy

định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này của luật sư Nguyễn Huy Hiệp.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty) và hộ kinh doanh Trần Văn T đều thống nhất nội dung: Ngày 02/01/2018, hai bên đã ký kết Hợp đồng mua bán số 02/DL-HĐMB có nội dung hộ kinh doanh Trần Văn T là đại lý tiêu thụ các loại sản phẩm phân bón cho Công ty; hàng bán đến đâu thì thanh toán đến đó nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày nhận hàng ghi trên hoá đơn (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 02). Tuy nhiên, tính đến lần giao hàng cuối cùng (ngày 05/4/2022) thì hộ kinh doanh Trần Văn T vẫn nợ lại Công ty số tiền là 1.241.240.000 đồng, bao gồm 641.600.000 đồng tiền mua hàng tính đến ngày 05/4/2022 và 599.640.000 đồng công nợ của những lần giao hàng trước đó.

Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy: Việc các bên ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; việc Hộ kinh doanh Trần Văn T đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho Công ty là vi phạm Điều III của Hợp đồng trên và khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bị đơn cho rằng ngày 05/4/2022, Công ty đã giao 40.000kg phân bón (trị giá 641.600.000 đồng) kém chất lượng cho bị đơn, dẫn đến bị đơn bị thiệt hại khoảng 5.000 kg cà phê (trị giá khoảng 650.000.000 đồng) và việc thất thu còn gây ảnh hưởng đến tinh thần của bà Trần Thị L (vợ ông T). Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 24/4/2025 (bút lục số 55), bị đơn xác định sẽ khởi kiện Công ty bằng một vụ án khác để yêu cầu bồi thường thiệt hại và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà L. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn nộp lại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại là đã quá thời điểm thực hiện quyền phản tố của bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu trên là phù hợp.

Xét lời khai lại của bị đơn cho rằng ngày 12/01/2023, giữa các bên đã thoả thuận khi nào bị đơn thu được tiền phân bón các hộ dân còn nợ bị đơn thì Công ty mới yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng thoả thuận này không phù hợp với Điều III của Hợp đồng số 02, trong đó quy định: *“Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong trường hợp hai bên trao đổi hàng hóa thì phương thức thanh toán được bù trừ công nợ. Hàng bán đến đâu thanh toán đến đó, nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày nhận hàng*

ghi trên hóa đơn. Cuối mỗi quý hai bên xác nhận công nợ”. Đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý với quan điểm này của bị đơn và trình bày Công ty chỉ đồng ý gia hạn trả nợ đến hết năm 2023, nhưng từ đó đến nay bị đơn vẫn không trả khoản tiền nào cho Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp của bị đơn Hộ kinh doanh Trần Văn T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn hộ kinh doanh Trần Văn T phải chịu 54.306.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp của bị đơn Hộ kinh doanh Trần Văn T;

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk).

Tuyên xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 91; khoản 2 Điều 184; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần H:

[1.1] Buộc Hộ kinh doanh Trần Văn T phải trả cho Công ty H số tiền 1.410.198.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 1.241.240.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/6/2025 là 168.958.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Hộ kinh doanh Trần Văn T tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất là 0,83%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho Công ty cổ phần H.

[2] Về án phí:

[2.1] Buộc Hộ kinh doanh Trần Văn T phải chịu 54.306.000 đồng (Năm mươi bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0000256 ngày 04/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Trả lại cho Công ty cổ phần H số tiền 24.618.000 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002662 ngày 11/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E2 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đắk Lắk).

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 9 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền